examundo

Thi thử AWS Cloud Practitioner tiếng Việt

40 câu hỏi kèm đáp án. Hướng dẫn và bản dịch do phần mềm làm và kiểm tra.
Chưa có người nào kiểm tra lại.

Cập nhật ngày 25 tháng 11 năm 2026 · examundo.tech/vi/aws-cloud-practitioner/

Công nghệ và dịch vụ (Cloud Technology & Services)

1. Một công ty truyền thông chạy tác vụ batch chuyển mã video mỗi đêm. Tác vụ chịu được gián đoạn và tiếp tục từ các điểm checkpoint. Hình thức mua EC2 (purchasing option) nào GIẢM TỐI ĐA chi phí cho khối lượng công việc này?

A media company runs a nightly video transcoding batch job that can tolerate interruptions and resumes from checkpoints. Which EC2 purchasing option MINIMIZES cost for this workload?

A. On-Demand Instances
B. Spot Instances
C. Dedicated Hosts
D. Reserved Instances

---

2. Một công ty có ứng dụng container chạy trên Kubernetes mã nguồn mở và muốn chuyển lên AWS, đồng thời giữ nguyên khả năng tương thích với các công cụ và API Kubernetes hiện có. Công ty nên dùng dịch vụ AWS nào?

A company has an existing container-based application built using open-source Kubernetes and wants to migrate it to AWS while retaining full compatibility with existing Kubernetes tooling and APIs. Which AWS service should the company use?

A. Amazon ECS
B. AWS Fargate
C. Amazon EKS
D. AWS Batch

---

3. Một công ty bán lẻ có script tạo báo cáo chạy khoảng 2 phút mỗi đêm và chỉ được kích hoạt khi có tệp tải lên Amazon S3. Công ty muốn không phải quản lý hay trả tiền cho máy chủ nhàn rỗi. Dịch vụ điện toán (compute) nào của AWS PHÙ HỢP NHẤT?

A retail company runs a nightly report-generation script that executes for about 2 minutes and is triggered only when a file is uploaded to Amazon S3. The company wants to avoid managing or paying for idle servers. Which AWS compute service is MOST appropriate?

A. Amazon Elastic Container Service (ECS) với kiểu khởi chạy EC2
B. Amazon EC2 Reserved Instances
C. AWS Lambda
D. Amazon EC2 với nhóm Auto Scaling

---

4. Một cơ sở dữ liệu giao dịch tối quan trọng (mission-critical), nhạy cảm với độ trễ, cần IOPS duy trì cao nhất và độ trễ thấp nhất trong các loại volume EBS. Nên chọn loại volume EBS nào?

A mission-critical, latency-sensitive transactional database requires the highest sustained IOPS performance and lowest latency available among EBS volume types. Which EBS volume type should be selected?

A. Throughput Optimized HDD (st1)
B. Provisioned IOPS SSD (io2 Block Express)
C. General Purpose SSD (gp3)
D. Cold HDD (sc1)

---

5. Một công ty chạy nhiều EC2 instance, tất cả đều cần truy cập chung và đồng thời vào cùng một bộ tệp. Công ty nên dùng dịch vụ lưu trữ AWS nào?

A company runs a fleet of EC2 instances that all need simultaneous, shared access to the same set of files. Which AWS storage service should the company use?

A. Amazon S3 Glacier
B. Amazon EBS
C. Amazon EFS
D. Instance Store

---

6. Một solutions architect cần dịch vụ cơ sở dữ liệu quan hệ được quản lý hoàn toàn, tự động vá lỗi, sao lưu và failover, cho một khối lượng công việc tương thích với MySQL. Nên đề xuất dịch vụ nào?

A solutions architect needs a fully managed relational database service that automates patching, backups, and failover for a MySQL-compatible workload. Which service should be recommended?

A. Amazon Redshift
B. Amazon DynamoDB
C. Amazon RDS
D. Amazon ElastiCache

---

7. Ứng dụng của một công ty chạy trên nhiều Amazon EC2 instance ở hai Availability Zone và cần một hệ thống tệp dùng chung mà tất cả instance có thể mount, đọc và ghi đồng thời. Dịch vụ lưu trữ AWS nào PHÙ HỢP NHẤT?

A company's application runs on multiple Amazon EC2 instances across two Availability Zones and requires a shared file system that all instances can mount and read/write to concurrently. Which AWS storage service is MOST appropriate?

A. Amazon S3
B. EC2 Instance Store
C. Amazon Elastic Block Store (EBS)
D. Amazon Elastic File System (EFS)

---

8. Một công ty SaaS toàn cầu có máy chủ ứng dụng ở các Region us-east-1, eu-west-1 và ap-southeast-1. Công ty muốn người dùng tự động được chuyển tới Region cho thời gian phản hồi nhanh nhất, dựa trên điều kiện mạng. Chính sách định tuyến Route 53 nào đáp ứng yêu cầu này?

A global SaaS company has application servers deployed in the us-east-1, eu-west-1, and ap-southeast-1 Regions. The company wants users automatically directed to whichever Region delivers the fastest response time based on network conditions. Which Route 53 routing policy meets this requirement?

A. Latency-based routing policy
B. Simple routing policy
C. Geolocation routing policy
D. Weighted routing policy

---

9. Một nhà phân tích dữ liệu cần chạy truy vấn SQL ad hoc trực tiếp trên hàng terabyte dữ liệu log lưu trong Amazon S3, không cần cấp phát máy chủ hay cụm nào và chỉ trả tiền theo mỗi truy vấn. Nên dùng dịch vụ nào?

A data analyst needs to run ad hoc SQL queries directly against terabytes of log data stored in Amazon S3 without provisioning any servers or clusters, paying only per query. Which service should be used?

A. Amazon RDS
B. Amazon Redshift
C. Amazon EMR
D. Amazon Athena

---

10. Một công ty dịch vụ tài chính phải lấy được hồ sơ tuân thủ đã lưu trữ từ S3 Glacier Flexible Retrieval trong khoảng 5 phút khi có kiểm toán, nhưng kiểm toán chỉ diễn ra vài lần mỗi năm. Tùy chọn truy xuất nào cân bằng TỐT NHẤT giữa tính khẩn cấp và chi phí?

A financial services firm must be able to retrieve archived compliance records from S3 Glacier Flexible Retrieval within about 5 minutes during an audit, but audits occur only a few times per year. Which retrieval option BEST balances the urgency requirement with cost?

A. Bulk retrieval
B. Expedited retrieval
C. S3 Glacier Deep Archive standard retrieval
D. Standard retrieval

Bảo mật và tuân thủ (Security & Compliance)

11. Một kiểm toán viên yêu cầu bản sao báo cáo SOC 2 Type II của AWS và Attestation of Compliance PCI DSS hiện hành để phục vụ một cuộc kiểm toán sắp tới của khách hàng. Nhóm tuân thủ của công ty nên lấy các tài liệu này ở đâu?

An auditor requests a copy of AWS's SOC 2 Type II report and the current PCI DSS Attestation of Compliance to support an upcoming customer audit. Where should the company's compliance team obtain these documents?

A. AWS Trusted Advisor
B. AWS Security Hub
C. AWS Config conformance packs
D. AWS Artifact

---

12. Dịch vụ AWS nào cung cấp khả năng bảo vệ được quản lý trước các cuộc tấn công từ chối dịch vụ phân tán (Distributed Denial of Service, DDoS)?

Which AWS service provides managed protection against Distributed Denial of Service (DDoS) attacks?

A. Amazon GuardDuty
B. AWS Shield
C. AWS Firewall Manager
D. AWS WAF

---

13. Nhóm bảo mật của một công ty muốn thêm một lớp bảo vệ đăng nhập cho người dùng root của tài khoản AWS, ngoài tên người dùng và mật khẩu. Nhóm nên bật biện pháp kiểm soát bảo mật nào?

A company's security team wants to add an additional layer of login protection to the AWS account root user beyond just a username and password. Which security control should the team enable?

A. Multi-factor authentication (MFA)
B. AWS WAF web ACL rules
C. AWS Certificate Manager
D. Amazon GuardDuty threat detection

---

14. Bộ phận tài chính của một tổ chức muốn ngăn mọi tài khoản thành viên trong một organizational unit production của AWS Organizations tắt ghi log AWS CloudTrail, kể cả khi quản trị viên IAM trong tài khoản đó có toàn quyền quản trị. Tổ chức nên dùng tính năng nào?

An organization's finance team wants to prevent any member account within a production organizational unit in AWS Organizations from disabling AWS CloudTrail logging, even if an IAM administrator in that account has full administrative permissions. Which feature should the organization use?

A. Một AWS Config conformance pack

B. Một resource-based policy trên CloudTrail trail

C. Một service control policy (SCP) áp dụng ở cấp organizational unit

D. Một IAM permissions boundary gắn cho từng quản trị viên

---

15. Một công ty chạy ứng dụng web trên Amazon EC2 instance phía sau Application Load Balancer, và một microservice riêng trên AWS Lambda. Theo mô hình trách nhiệm chung (shared responsibility model) của AWS, tác vụ bảo mật nào thuộc về công ty?

A company runs a web application on Amazon EC2 instances behind an Application Load Balancer, and a separate microservice on AWS Lambda. Under the AWS shared responsibility model, which security task falls to the company?

A. Vá hệ điều hành khách trên các EC2 instance

B. Vá hypervisor của máy chủ vật lý bên dưới cho cả EC2 và Lambda

C. Bảo đảm an ninh vật lý của các trung tâm dữ liệu chứa cả hai dịch vụ

D. Vá môi trường runtime của Lambda

---

16. Một nhóm DevOps dùng pipeline tự động để tạo các IAM role cho lập trình viên. Bộ phận bảo mật yêu cầu mọi role do pipeline tạo ra không bao giờ được vượt quá một tập quyền tối đa đã định, dù sau này role được gắn chính sách (policy) nào. Tính năng IAM nào bảo đảm yêu cầu này?

A DevOps team uses an automated pipeline to create IAM roles for developers. Security requires that no role created by the pipeline, regardless of the policies later attached to it, can ever exceed a defined maximum set of permissions. Which IAM feature enforces this?

A. Resource-based policy

B. Permissions boundary

C. Identity-based policy

D. Service control policy

---

17. Một chuyên viên tuân thủ (compliance officer) cần xác định IAM user nào đã xóa một bucket Amazon S3 cụ thể vào tuần trước. Dịch vụ AWS nào cung cấp bản ghi hoạt động API này?

A compliance officer needs to determine which IAM user deleted a specific Amazon S3 bucket last week. Which AWS service provides a record of this API activity?

A. AWS Trusted Advisor

B. Amazon CloudWatch

C. AWS CloudTrail

D. AWS Config

---

18. Mục đích của một IAM group trong AWS Identity and Access Management là gì?

What is the purpose of an IAM group in AWS Identity and Access Management?

A. Cấp thông tin xác thực tạm thời cho ứng dụng chạy trên các dịch vụ AWS

B. Mã hóa các đối tượng lưu trong bucket Amazon S3

C. Ghi lại và giám sát các lệnh gọi API trong tài khoản AWS

D. Gom nhiều IAM user lại và áp dụng cùng các chính sách quyền cho tất cả cùng lúc

---

19. Một nhóm bảo mật muốn nhận cảnh báo tự động khi một EC2 instance bắt đầu giao tiếp với địa chỉ IP đã biết là thuộc hạ tầng command-and-control của mã độc. Dịch vụ AWS nào được thiết kế riêng để phát hiện hoạt động này?

A security team wants to receive automated alerts when an EC2 instance begins communicating with an IP address known to be associated with malware command-and-control infrastructure. Which AWS service is purpose-built to detect this activity?

A. Amazon Inspector
B. Amazon GuardDuty
C. AWS Config
D. Amazon Macie

---

20. Một công ty chạy ứng dụng web trên Amazon EC2 instance và ứng dụng này phải đọc, ghi đối tượng trong một bucket Amazon S3. Cách nào là AN TOÀN NHẤT để cấp quyền truy cập này cho ứng dụng?

A company hosts a web application on Amazon EC2 instances that must read and write objects in an Amazon S3 bucket. Which approach is the MOST secure way to grant the application this access?

A. Tạo bucket policy cho phép đọc/ghi công khai vào đối tượng
B. Lưu access key và secret key của một IAM user trong tệp cấu hình của ứng dụng
C. Gắn IAM role có chính sách truy cập S3 vào EC2 instance
D. Nhúng thông tin xác thực của người dùng root tài khoản AWS vào biến môi trường của EC2 instance

---

Khái niệm đám mây (Cloud Concepts)

21. Góc nhìn (perspective) nào của AWS Cloud Adoption Framework (CAF) tập trung vào việc gắn chiến lược CNTT với mục tiêu kinh doanh và xây dựng business case cho việc áp dụng đám mây?

Which AWS Cloud Adoption Framework (CAF) perspective focuses on aligning IT strategy with business goals and building a business case for cloud adoption?

A. Security perspective
B. Business perspective
C. Platform perspective
D. Governance perspective

---

22. Một công ty triển khai ứng dụng serverless bằng AWS Lambda. Theo mô hình trách nhiệm chung của AWS, tác vụ bảo mật nào vẫn là trách nhiệm của công ty dù AWS quản lý hạ tầng điện toán bên dưới?

A company deploys a serverless application using AWS Lambda. Under the AWS shared responsibility model, which security task remains the company's responsibility even though AWS manages the underlying compute infrastructure?

A. Cấu hình IAM execution role và quyền ở cấp hàm
B. Vá hệ điều hành của các máy chủ chạy dịch vụ Lambda
C. Quản lý lớp hypervisor cách ly các môi trường thực thi Lambda
D. Bảo trì phần cứng vật lý chứa các hàm Lambda

---

23. Trong đợt bán giảm giá chớp nhoáng, ứng dụng của một nhà bán lẻ tự động thêm EC2 instance phía sau load balancer khi lưu lượng tăng vọt và bớt đi khi lưu lượng giảm. Đặc tính đám mây nào được thể hiện RÕ NHẤT trong tình huống này?

During a flash sale, a retailer's application automatically adds EC2 instances behind a load balancer as traffic spikes and removes them once traffic subsides. Which cloud characteristic does this scenario BEST demonstrate?

A. Fault tolerance
B. High availability
C. Elasticity
D. Durability

---

24. Cách làm nào thể hiện RÕ NHẤT nguyên tắc thiết kế của trụ cột Operational Excellence là thực hiện các thay đổi nhỏ, thường xuyên và có thể hoàn tác (reversible)?

Which practice BEST demonstrates the Operational Excellence pillar's design principle of making frequent, small, reversible changes?

A. Yêu cầu hội đồng duyệt thay đổi gom mọi cập nhật vào một bản phát hành mỗi năm
B. Lên lịch một bản phát hành hạ tầng lớn trong khung bảo trì hằng quý
C. Áp dụng thay đổi cấu hình trực tiếp qua AWS Management Console mà không theo dõi
D. Triển khai thay đổi hạ tầng qua pipeline CI/CD có quản lý phiên bản và tự động rollback

---

25. Trụ cột nào của Well-Architected Framework bao gồm khả năng phục hồi của khối lượng công việc sau khi hạ tầng hoặc dịch vụ bị gián đoạn, và khả năng lấy thêm tài nguyên một cách linh hoạt (dynamically) để đáp ứng nhu cầu?

Which Well-Architected Framework pillar encompasses a workload's ability to recover from infrastructure or service disruptions and dynamically acquire resources to meet demand?

A. Cost optimization
B. Sustainability
C. Operational excellence
D. Reliability

---

26. Nhóm phát triển bền vững (sustainability) của một công ty đề nghị nhóm kỹ sư đám mây chọn các AWS Region và điều chỉnh đúng kích cỡ (rightsize) khối lượng công việc, với mục đích cụ thể là giảm tối đa tác động môi trường của việc chạy tài nguyên điện toán và lưu trữ. Mục tiêu này thuộc trụ cột nào của Well-Architected Framework?

A company's sustainability team asks the cloud engineering group to select AWS Regions and rightsize workloads specifically to minimize the environmental impact of running compute and storage resources. This objective aligns with which Well-Architected Framework pillar?

A. Cost Optimization
B. Operational Excellence
C. Performance Efficiency
D. Sustainability

---

27. Một lập trình viên triển khai hàm bằng AWS Lambda để xử lý các đối tượng được tải lên Amazon S3. So với khối lượng công việc tương đương chạy trên EC2 instance tự quản lý, trách nhiệm bảo mật nào chuyển từ khách hàng sang AWS khi dùng Lambda?

A developer deploys a function using AWS Lambda to process objects uploaded to Amazon S3. Compared to an equivalent workload running on self-managed EC2 instances, which security responsibility shifts from the customer to AWS when using Lambda?

A. Viết mã ứng dụng an toàn
B. Mã hóa các đối tượng lưu trong S3
C. Vá hệ điều hành bên dưới
D. Cấu hình quyền cho IAM execution role

---

28. Một công ty yêu cầu xác thực đa yếu tố (MFA) cho mọi IAM user, áp dụng đặc quyền tối thiểu (least privilege) và giảm phụ thuộc vào access key dài hạn bất cứ khi nào có thể. Điều này phản ánh RÕ NHẤT nguyên tắc thiết kế nào của trụ cột Security trong Well-Architected?

A company requires multi-factor authentication for all IAM users, enforces least privilege permissions, and reduces reliance on long-term access keys wherever possible. Which Well-Architected Security pillar design principle does this BEST reflect?

A. Enable traceability
B. Implement a strong identity foundation
C. Automate security best practices
D. Apply security at all layers

---

29. Hệ thống xử lý đơn hàng của một công ty bán lẻ tự động tăng số EC2 instance trong đợt bán giảm giá chớp nhoáng và giảm đi khi lưu lượng trở lại bình thường, không cần can thiệp thủ công. Hoạt động này minh họa RÕ NHẤT đặc tính đám mây nào?

A retail company's order-processing system automatically increases the number of EC2 instances during a flash sale and decreases them once traffic returns to normal, without any manual intervention. Which cloud characteristic does this behavior BEST illustrate?

A. Elasticity
B. High availability
C. Fault tolerance
D. Scalability

---

30. Một công ty muốn giảm tác động môi trường của hạ tầng đám mây bằng cách chọn các AWS Region chạy bằng năng lượng tái tạo và điều chỉnh đúng kích cỡ tài nguyên để giảm cấp phát và tiêu thụ năng lượng không cần thiết. Trụ cột nào của Well-Architected Framework giải quyết mục tiêu này TRỰC TIẾP NHẤT?

A company wants to reduce the environmental impact of its cloud footprint by selecting AWS Regions powered by renewable energy and by rightsizing resources to minimize unnecessary provisioning and energy consumption. Which Well-Architected Framework pillar MOST directly addresses this goal?

A. Sustainability
B. Cost Optimization
C. Reliability
D. Performance Efficiency

Chi phí, giá và hỗ trợ (Billing, Pricing & Support)

31. Một công ty muốn được giảm giá cho mức dùng điện toán nền ổn định, nhưng cũng cần tự do đổi họ instance, kích cỡ, hệ điều hành và AWS Region trong suốt thời gian cam kết mà không mất ưu đãi. Tùy chọn giá (pricing option) nào đáp ứng yêu cầu này TỐT NHẤT?

A company wants a discount for a consistent baseline of compute usage but also needs the freedom to change instance families, sizes, operating systems, and AWS Regions over the commitment period without losing the discount. Which pricing option BEST meets this requirement?

A. Standard Reserved Instances
B. EC2 Instance Savings Plans
C. On-Demand Capacity Reservations
D. Compute Savings Plans

---

32. Một quản trị viên thanh toán cần bản chi tiết nhất về các khoản phí AWS ở mức từng dòng, gồm loại mức dùng (usage type), ID tài nguyên và mức giá áp dụng, để nhập vào công cụ báo cáo tài chính của bên thứ ba. Nguồn nào cung cấp mức chi tiết này?

A billing administrator needs the most detailed, line-item-level breakdown of AWS charges, including usage type, resource ID, and applied pricing rates, for import into a third-party financial reporting tool. Which resource provides this level of detail?

A. Biểu đồ AWS Cost Explorer
B. Bảng điều khiển tóm tắt của AWS Billing console
C. Các kiểm tra tối ưu chi phí của AWS Trusted Advisor
D. AWS Cost and Usage Report

---

33. Một công ty truyền thông chạy nhiều EC2 instance phải hoạt động 24/7 trong ba năm tới, nhưng nhóm kỹ sư dự kiến chuyển sang các họ instance mới hơn mỗi năm khi chúng được phát hành. Tùy chọn giá nào tiết kiệm chi phí NHIỀU NHẤT mà vẫn đáp ứng sự linh hoạt này?

A media company runs a fleet of EC2 instances that must remain available 24/7 for the next three years, but the engineering team expects to migrate to newer instance families annually as they are released. Which pricing option provides the MOST cost savings while accommodating this flexibility?

A. On-Demand Instances
B. Compute Savings Plans
C. Standard Reserved Instances cho họ instance hiện tại
D. Spot Instances với persistent request

---

34. Một startup y tế đang dùng gói AWS Business Support muốn có một người được chỉ định đích danh, chủ động tư vấn kiến trúc, tổ chức các buổi rà soát vận hành và phối hợp với các nhóm dịch vụ AWS khi có sự cố. Công ty nên làm gì để có quyền lợi này?

A healthcare startup on the AWS Business Support plan wants a named individual who proactively provides architectural guidance, hosts operational reviews, and coordinates with AWS service teams during outages. Which action should the company take to obtain this benefit?

A. Nâng cấp lên gói Enterprise Support để được chỉ định một Technical Account Manager
B. Mua thêm chỗ (seat) Business Support
C. Bật AWS Organizations để nhận một account manager dùng chung
D. Mở một case trên Trusted Advisor để yêu cầu đầu mối riêng

---

35. Hệ thống production của một công ty thương mại điện tử ngừng hoạt động hoàn toàn. Công ty đang dùng AWS Business Support. Mục tiêu thời gian phản hồi ban đầu của AWS cho case được phân loại "production system down" là bao lâu?

A production system supporting an e-commerce company goes completely down. The company is subscribed to AWS Business Support. What is AWS's initial response time target for a case classified as 'production system down'?

A. Dưới 1 giờ
B. Dưới 4 giờ
C. Dưới 12 giờ
D. Dưới 15 phút

---

36. Một công ty chạy tác vụ batch chuyển mã video mỗi đêm, chịu được gián đoạn và có thể chạy lại mà không ảnh hưởng kết quả cuối. Tùy chọn giá EC2 nào có chi phí THẤP NHẤT cho khối lượng công việc này?

A company runs a nightly video-transcoding batch job that can tolerate interruption and be restarted without affecting the final output. Which EC2 pricing option provides the LOWEST cost for this workload?

A. Reserved Instances
B. On-Demand Instances
C. Dedicated Hosts
D. Spot Instances

---

37. Một công ty SaaS đang phát triển nhanh cần một Technical Account Manager (TAM) riêng được chỉ định, tư vấn kiến trúc chủ động, quản lý sự kiện hạ tầng (infrastructure event management) và thời gian phản hồi 15 phút cho sự cố business-critical system down. Công ty nên chọn gói AWS Support nào?

A rapidly growing SaaS company needs a designated Technical Account Manager (TAM), proactive architectural guidance, infrastructure event management, and a 15-minute response time for business-critical system down issues. Which AWS Support plan should the company select?

A. Enterprise On-Ramp Support
B. Business Support
C. Enterprise Support
D. Developer Support

---

38. Một startup đang cân nhắc các tùy chọn giá Amazon EC2 cho chiến dịch marketing ngắn hạn, không có ngày bắt đầu hay kết thúc dự đoán được. Mô hình giá nào cho phép công ty chỉ trả cho công suất điện toán (compute capacity) đã dùng, tính theo giây và không cần cam kết trước (upfront commitment)?

A startup is evaluating Amazon EC2 pricing options for a short-term marketing campaign with no predictable start or end date. Which pricing model allows the company to pay only for compute capacity consumed, billed by the second, with no upfront commitment?

A. On-Demand Instances
B. Savings Plans
C. Dedicated Hosts
D. Reserved Instances

---

39. Một solutions architect đang thiết kế khối lượng công việc mới và muốn ước tính chi phí hằng tháng của kiến trúc AWS đề xuất trước khi triển khai bất kỳ tài nguyên nào. Nên dùng công cụ nào?

A solutions architect is designing a new workload and wants to estimate the monthly cost of a proposed AWS architecture before any resources are deployed. Which tool should be used?

A. AWS Budgets
B. AWS Cost and Usage Report
C. AWS Pricing Calculator
D. AWS Cost Explorer

---

40. Một doanh nghiệp đang phát triển muốn có một Technical Account Manager (TAM) của AWS chỉ phụ trách tài khoản của mình, để tư vấn chủ động và rà soát kiến trúc, thay vì dùng chung một nhóm TAM. Công ty nên chọn gói AWS Support nào?

A growing enterprise wants a single, dedicated AWS Technical Account Manager (TAM) assigned specifically to its account to provide proactive guidance and architectural reviews, rather than access to a shared pool of TAMs. Which AWS Support tier should the company select?

A. Business Support
B. Developer Support
C. Enterprise Support
D. Enterprise On-Ramp Support

Đáp án đúng

1. B Spot Instances dùng công suất EC2 đang dư (spare capacity) nên rẻ hơn On-Demand tới 90%. Chúng hợp với tác vụ chịu lỗi và linh hoạt như batch chuyển mã có checkpoint. On-Demand tính giá đầy đủ. Reserved Instances cần cam kết 1 hoặc 3 năm, hợp với mức dùng ổn định chứ không hợp với batch thay đổi thất thường. Dedicated Hosts đắt nhất, dành cho yêu cầu giấy phép hoặc tuân thủ cần thấy rõ máy chủ vật lý.

2. C Amazon EKS là dịch vụ được quản lý, chạy control plane Kubernetes chuẩn upstream đã được chứng nhận. Vì vậy manifest, lệnh kubectl và các công cụ Kubernetes dùng được mà không cần sửa. ECS là bộ điều phối riêng của AWS, không tương thích với API Kubernetes nên phải thiết kế lại ứng dụng. Fargate là công cụ điện toán serverless chạy bên dưới ECS hoặc EKS, tự nó không có API Kubernetes. AWS Batch lập lịch tác vụ batch, kể cả trên EKS, nhưng không phải dịch vụ Kubernetes được quản lý.

3. C AWS Lambda là serverless và hướng sự kiện, nên sự kiện tải lên S3 kích hoạt được trực tiếp. Bạn chỉ trả theo số yêu cầu và thời gian chạy, không mất tiền cho máy chủ nhàn rỗi. EC2 với Auto Scaling vẫn phải chạy hoặc khởi tạo instance. Reserved Instances cần cam kết 1 hoặc 3 năm, không hợp với tác vụ ngắn, không đều. ECS chạy kiểu EC2 vẫn bắt bạn tự cấp phát và vá cụm EC2 bên dưới.

4. B io2 Block Express được thiết kế cho tải giao dịch đòi hỏi cao nhất và nhạy cảm với độ trễ. Loại này có IOPS và thông lượng cao nhất trong các loại EBS, độ trễ ổn định ở mức dưới một mili giây. gp3 có hiệu năng tốt nhưng IOPS tối đa thấp hơn nhiều. st1 và sc1 là ổ HDD tối ưu thông lượng cho dữ liệu tuần tự dung lượng lớn như big data và xử lý log, không hợp với giao dịch IOPS cao.

5. C Amazon Elastic File System (EFS) là hệ thống tệp NFS được quản lý hoàn toàn và co giãn. Hàng nghìn EC2 instance có thể mount cùng lúc, nên rất hợp cho việc dùng chung tệp. Volume EBS thường chỉ gắn vào một instance tại một thời điểm (Multi-Attach chỉ có ở một số loại volume). S3 Glacier là kho lưu trữ đối tượng dành cho dữ liệu lưu lâu dài, không mount được như hệ thống tệp. Instance Store là lưu trữ tạm gắn với một máy chủ và mất khi instance dừng.

6. C Amazon RDS (Relational Database Service) là dịch vụ được quản lý, hỗ trợ các engine như MySQL, PostgreSQL và MariaDB. Nó tự động hóa việc vá lỗi, sao lưu và failover Multi-AZ. DynamoDB là cơ sở dữ liệu NoSQL dạng key-value và document, không phải quan hệ. Redshift là data warehouse cho truy vấn phân tích quy mô lớn. ElastiCache là dịch vụ cache trong bộ nhớ, không phải nơi lưu dữ liệu quan hệ chính.

7. D EFS là hệ thống tệp NFS được quản lý, co giãn, cho phép hàng nghìn EC2 instance đọc và ghi đồng thời, kể cả giữa nhiều Availability Zone. EBS chỉ gắn vào một instance tại một thời điểm (Multi-Attach hiếm, chỉ ở một số loại volume và cùng AZ), nên không dùng chung giữa các AZ được. S3 là lưu trữ đối tượng truy cập qua API, không phải hệ thống tệp POSIX để mount. Instance Store là lưu trữ tạm, mất dữ liệu khi instance dừng hoặc bị xóa.

8. A Latency-based routing policy dùng số đo độ trễ giữa mạng của người dùng và các Region AWS để trả về bản ghi của Region có độ trễ thấp nhất. Nó không đo thời gian phản hồi của từng endpoint ứng dụng. Weighted routing chia lưu lượng theo tỷ lệ cố định, không quan tâm hiệu năng. Geolocation routing dựa trên vị trí địa lý, nên có thể chọn Region gần nhưng không nhanh nhất. Simple routing chỉ trả một bản ghi, không có health check hay logic hiệu năng.

9. D Amazon Athena là dịch vụ truy vấn tương tác serverless, chạy SQL chuẩn trực tiếp trên dữ liệu trong S3. Bạn không phải cấp phát hạ tầng và trả tiền theo lượng dữ liệu mỗi truy vấn quét, đúng với yêu cầu. Redshift là data warehouse chạy trên cụm hoặc serverless, không khớp với cách quét trực tiếp S3 và trả theo truy vấn như Athena. EMR không phải lựa chọn tốt nhất cho truy vấn SQL tương tác này. RDS dành cho tải giao dịch, không dùng để truy vấn log thô trên S3.

10. B Expedited retrieval từ S3 Glacier Flexible Retrieval thường trả dữ liệu trong 1 đến 5 phút. Cách này hợp với nhu cầu không thường xuyên nhưng gấp như kiểm toán, và vẫn rẻ hơn nhiều so với việc lưu dữ liệu ở lớp lưu trữ luôn truy cập nhanh. Standard mất 3 đến 5 giờ, Bulk mất 5 đến 12 giờ, đều quá chậm so với yêu cầu 5 phút. Glacier Deep Archive standard mất tới 12 giờ, sai cả lớp lưu trữ lẫn thời gian truy xuất.

11. D AWS Artifact là cổng tự phục vụ để tải các báo cáo tuân thủ (compliance reports) của AWS, gồm SOC 1/2/3, PCI DSS Attestation of Compliance và chứng nhận ISO, đồng thời để xem và chấp nhận thỏa thuận như BAA. Trusted Advisor kiểm tra tài khoản để tối ưu chi phí, hiệu năng, bảo mật và khả năng chịu lỗi. Config conformance packs đánh giá cấu hình tài nguyên theo quy tắc. Security Hub gom các phát hiện bảo mật. Ba dịch vụ này không có báo cáo kiểm toán của AWS.

12. B AWS Shield chuyên phát hiện và giảm thiểu tấn công DDoS. Shield Standard tự bật, không tính thêm phí; Shield Advanced bảo vệ mạnh hơn và có bảo vệ chi phí DDoS cho hệ thống quan trọng. AWS WAF lọc yêu cầu web theo quy tắc để chặn kiểu tấn công khác như SQL injection. GuardDuty phát hiện hoạt động độc hại nhưng không chặn lưu lượng DDoS. Firewall Manager quản lý tập trung quy tắc WAF và security group, tự nó không chống DDoS.

13. A MFA đòi thêm một yếu tố xác thực thứ hai ngoài tên người dùng và mật khẩu, thường là mã dùng một lần từ thiết bị ảo hoặc thiết bị phần cứng. Đây đúng là lớp bảo vệ ở khâu đăng nhập cho người dùng root. AWS WAF lọc lưu lượng web độc hại, không liên quan đến đăng nhập tài khoản. GuardDuty phân tích log sau khi hoạt động đã xảy ra. AWS Certificate Manager cấp và quản lý chứng chỉ SSL/TLS, không xác thực người dùng.

14. C SCP trong AWS Organizations đặt quyền tối đa cho mọi IAM user và role trong tài khoản thành viên, kể cả quản trị viên. Nhờ đó tổ chức có thể từ chối hẳn việc tắt CloudTrail, bất kể chính sách IAM của tài khoản. Permissions boundary chỉ áp dụng cho danh tính được gắn và có thể bị sửa ngay trong tài khoản. Resource-based policy không phải cách hạn chế truy cập CloudTrail. Config conformance packs chỉ phát hiện và báo cáo cấu hình không tuân thủ, không chặn trước.

15. A AWS lo bảo mật của đám mây (security of the cloud): hạ tầng máy chủ, hypervisor và cơ sở vật lý. Khách hàng lo bảo mật trong đám mây (security in the cloud). Với EC2, việc này gồm vá hệ điều hành khách (guest operating system), cập nhật ứng dụng và cấu hình mạng, vì EC2 là dịch vụ điện toán mà khách hàng tự quản lý (unmanaged). Vá hypervisor và an ninh vật lý là trách nhiệm của AWS. AWS cũng vá các runtime Lambda do AWS quản lý, còn khách hàng lo mã và cấu hình hàm.

16. B Permissions boundary đặt quyền tối đa mà identity-based policy có thể cấp cho một user hoặc role. Quyền thực tế luôn là phần giao của identity policy và boundary, nên dù sau này gắn thêm policy rộng, role vẫn không leo thang đặc quyền được. SCP áp dụng ở cấp tài khoản trong AWS Organizations, không theo từng role. Identity-based policy chỉ cấp quyền, không tự giới hạn. Resource-based policy gắn vào tài nguyên như bucket S3 hay khóa KMS.

17. C AWS CloudTrail ghi lại hoạt động API, gồm ai gọi, lúc nào và làm gì. S3 DeleteBucket là management event, có trong lịch sử sự kiện mặc định 90 ngày, nên truy ra được IAM user đã gọi lệnh tuần trước. CloudWatch thu thập metric và log để giám sát vận hành, tự nó không ghi ai đã gọi API. AWS Config theo dõi thay đổi cấu hình, không quy một lệnh API cho một người dùng. Trusted Advisor chỉ đưa ra khuyến nghị, không phải nhật ký kiểm toán (audit trail).

18. D IAM group là tập hợp các IAM user. Quản trị viên gắn một hoặc nhiều chính sách cho group, và mọi thành viên đều có cùng quyền, giúp quản lý quyền dễ hơn khi quy mô lớn. Cấp thông tin xác thực tạm thời cho dịch vụ là việc của IAM role, không phải group. Mã hóa đối tượng S3 do mã hóa phía máy chủ của S3 hoặc AWS KMS đảm nhiệm. Ghi lại lệnh gọi API là chức năng của AWS CloudTrail.

19. B GuardDuty liên tục phân tích VPC Flow Logs, log DNS và sự kiện CloudTrail, đối chiếu với các nguồn threat intelligence để phát hiện việc như giao tiếp C2, đào tiền ảo hoặc dò quét. Macie tìm và phân loại dữ liệu nhạy cảm (như PII) trong S3. Inspector quét lỗ hổng và thành phần phần mềm trên EC2 và ECR, không phát hiện mối đe dọa đang diễn ra. Config theo dõi cấu hình tài nguyên và sai lệch tuân thủ, không theo dõi lưu lượng độc hại.

20. C IAM role cho EC2 cấp thông tin xác thực tạm thời (temporary credentials), tự xoay vòng, qua instance metadata service. Nhờ vậy bạn không phải lưu access key dài hạn trên instance và giảm rủi ro nếu instance bị xâm nhập. Khóa của IAM user hoặc của root là bí mật dài hạn, dễ lộ và khó xoay vòng. Bucket policy công khai để lộ dữ liệu cho cả internet, trái với đặc quyền tối thiểu (least privilege). Trụ cột Security khuyến nghị dùng role thay cho khóa tĩnh.

21. B Business perspective của AWS CAF giúp quản lý kinh doanh và lãnh đạo tài chính bảo đảm đầu tư đám mây khớp với kết quả kinh doanh và có business case rõ ràng cho việc chuyển lên đám mây. Platform nói về kiến trúc và cấp phát môi trường đám mây. Governance nói về kỹ năng và quy trình để quản lý rủi ro và tối ưu giá trị kinh doanh. Security bảo đảm tính bí mật, toàn vẹn và sẵn sàng. Chỉ Business trực tiếp nói về sự gắn kết chiến lược và lý do tài chính.

22. A Ngay cả với dịch vụ serverless như Lambda, bảo mật trong đám mây (security in the cloud) vẫn là việc của khách hàng: đặt IAM execution role theo đặc quyền tối thiểu (least privilege), resource policy và bảo vệ biến môi trường cho từng hàm. AWS lo phần còn lại: vá hệ điều hành máy chủ, phần cứng, trung tâm dữ liệu, hypervisor và việc cách ly giữa các khách hàng. Bẫy hay gặp: serverless chỉ bỏ trách nhiệm ở tầng hạ tầng, không bỏ TẤT CẢ.

23. C Elasticity là khả năng tự động tăng giảm tài nguyên điện toán theo nhu cầu tại thời điểm đó, đúng như hành vi auto scaling trong tình huống bán giảm giá. High availability là giảm thời gian ngừng hoạt động nhờ hạ tầng dự phòng ở nhiều vị trí, không phải là co giãn theo nhu cầu. Fault tolerance là tiếp tục hoạt động dù có thành phần hỏng. Durability liên quan đến việc dữ liệu được lưu giữ lâu dài và toàn vẹn, không liên quan đến co giãn điện toán.

24. D Pipeline CI/CD có quản lý phiên bản giúp đội ngũ phát hành các thay đổi nhỏ, tăng dần và thường xuyên. Rollback tự động bảo đảm mọi thay đổi có thể được hoàn tác nhanh nếu gây lỗi, đúng với nguyên tắc này. Phát hành theo quý hoặc theo năm là kiểu ngược lại: thay đổi lớn, hiếm và rủi ro cao, khó hoàn tác gọn. Sửa trên console mà không theo dõi làm mất khả năng hoàn tác và kiểm tra lại, vì không có bản ghi về thay đổi và cách quay lại.

25. D Trụ cột Reliability nói về việc hệ thống thực hiện đúng chức năng một cách nhất quán. Trụ cột này gồm phục hồi sau sự cố, linh hoạt lấy thêm tài nguyên theo nhu cầu và giảm gián đoạn do cấu hình sai hoặc lỗi mạng tạm thời. Operational excellence tập trung vào cải tiến quy trình và giám sát. Cost optimization là tránh chi tiêu không cần thiết. Sustainability là giảm tác động môi trường. Chỉ Reliability nói về khả năng chống chịu và tự phục hồi.

26. D Trụ cột Sustainability, ra mắt năm 2021, tập trung giảm tác động môi trường của hệ thống trên đám mây: tận dụng tối đa tài nguyên, chọn Region hiệu quả, giảm năng lượng và phần cứng. Cost Optimization nhắm vào chi tiêu chứ không phải môi trường, dù đôi khi cách làm trùng nhau. Operational Excellence nói về vận hành và giám sát để tạo giá trị kinh doanh. Performance Efficiency nói về đáp ứng hiệu quả yêu cầu của hệ thống, không nêu mục tiêu môi trường.

27. C Với EC2, khách hàng phải vá hệ điều hành khách, thuộc bảo mật trong đám mây (security in the cloud). Với Lambda, AWS quản lý hoàn toàn môi trường điện toán bên dưới, kể cả việc vá hệ điều hành, nên trách nhiệm này chuyển sang AWS. Cấu hình IAM execution role, thiết lập mã hóa S3 và viết mã an toàn vẫn là việc của khách hàng, dù chạy serverless hay tự quản lý, vì các biện pháp này nằm trên tầng hạ tầng mà AWS quản lý.

28. B Nguyên tắc “implement a strong identity foundation” (xây nền tảng danh tính vững chắc) gồm đặc quyền tối thiểu, yêu cầu MFA và bỏ dần thông tin xác thực tĩnh dài hạn, khớp hết với tình huống này. “Enable traceability” là ghi log, giám sát và kiểm toán theo thời gian thực, như với CloudTrail. “Apply security at all layers” là phòng thủ nhiều lớp ở mạng, điện toán và ứng dụng. “Automate security best practices” là dùng cơ chế tự động bằng phần mềm để thực thi kiểm soát.

29. A Elasticity là tự động lấy thêm và trả bớt tài nguyên gần như theo thời gian thực để khớp với nhu cầu hiện tại, đúng như tình huống này. Scalability là khả năng rộng hơn, giúp hệ thống đáp ứng khi tải tăng, nhưng không nhất thiết tự động giảm. High availability là hệ thống vẫn truy cập được với ít thời gian ngừng. Fault tolerance là vẫn chạy dù có thành phần hỏng. Hai khái niệm này không nói về việc tự điều chỉnh công suất theo nhu cầu.

30. A Trụ cột Sustainability nói riêng về giảm tác động môi trường, gồm chọn Region có năng lượng tái tạo và chỉnh đúng cỡ (rightsizing) để giảm lãng phí tài nguyên. Rightsizing cũng có thể giảm chi phí, nhưng mục tiêu nêu ở đây là môi trường, không phải tiền, nên không phải Cost Optimization. Performance Efficiency nói về dùng tài nguyên hiệu quả để đáp ứng yêu cầu hệ thống. Reliability là khả năng phục hồi sau gián đoạn, không liên quan đến môi trường.

31. D Compute Savings Plans tự động áp dụng cho EC2, Fargate và Lambda, bất kể họ instance, kích cỡ, hệ điều hành, tenancy hay Region. Đây là lựa chọn linh hoạt nhất mà vẫn cam kết mức chi tiêu theo giờ trong 1 hoặc 3 năm. EC2 Instance Savings Plans gắn ưu đãi với một họ instance trong một Region. Standard Reserved Instances cũng vậy. On-Demand Capacity Reservations giữ chỗ công suất nhưng không giảm giá và không linh hoạt giữa các họ.

32. D AWS Cost and Usage Report (CUR) là nguồn dữ liệu chi phí đầy đủ và chi tiết nhất, có từng dòng (line item) đến ID tài nguyên, loại mức dùng và mức giá. Báo cáo có thể gửi vào bucket S3 để công cụ bên thứ ba như data warehouse hoặc BI nạp vào. Biểu đồ Cost Explorer là dữ liệu đã tổng hợp cho người xem. Bảng tóm tắt Billing console chỉ có tổng theo tháng. Trusted Advisor chỉ nêu cơ hội tối ưu như tài nguyên để không, không có từng dòng phí.

33. B Compute Savings Plans giảm tới 66% và tự động áp dụng cho mọi họ instance EC2, kích cỡ, hệ điều hành, tenancy, cả Fargate và Lambda, ở mọi Region. Vì vậy đổi họ instance hằng năm không làm mất ưu đãi. Standard RI gắn với một họ instance và một Region, nên đổi họ sẽ bỏ phí phần đặt trước chưa dùng. On-Demand linh hoạt nhưng không giảm giá cho mức dùng 3 năm chắc chắn. Spot có thể bị gián đoạn, không hợp với hệ thống phải chạy 24/7.

34. A Technical Account Manager (TAM) tư vấn chủ động, rà soát vận hành và điều phối khi có sự cố chỉ có ở Enterprise Support (Enterprise On-Ramp có TAM dùng chung). Business Support phản hồi nhanh hơn và có đủ các kiểm tra Trusted Advisor, nhưng không có TAM riêng và không bán thêm seat để có TAM. Trusted Advisor là công cụ khuyến nghị tự động. AWS Organizations quản lý thanh toán và cấu trúc tài khoản, không chỉ định account manager.

35. A Với Business Support, case “production system down” có mục tiêu phản hồi ban đầu là dưới 1 giờ. Đây là mục tiêu phản hồi, không phải SLA được đảm bảo. Dưới 15 phút là mục tiêu cho case “business-critical system down” của Enterprise Support. Dưới 4 giờ ứng với “production system impaired” (bị suy giảm nhưng vẫn chạy), mức nghiêm trọng thấp hơn hệ thống ngừng hẳn. Dưới 12 giờ ứng với “system impaired”, ưu tiên thấp hơn nhiều so với sự cố production.

36. D Spot Instances dùng công suất EC2 đang dư (spare capacity) nên rẻ hơn On-Demand tới 90%. Chúng hợp với tác vụ chịu lỗi, linh hoạt như batch chuyển mã, vốn chịu được thông báo gián đoạn trước hai phút. On-Demand không giảm giá. Reserved Instances cần cam kết 1 hoặc 3 năm cho tải ổn định, rẻ hơn On-Demand nhưng không bằng Spot khi tác vụ có thể gián đoạn. Dedicated Hosts đắt nhất, dành cho yêu cầu giấy phép hoặc tuân thủ.

37. C Enterprise Support có TAM riêng được chỉ định, tư vấn chủ động, quản lý sự kiện hạ tầng (infrastructure event management) và mục tiêu phản hồi đầu tiên 15 phút cho business-critical system down. Đây là mục tiêu, không phải cam kết. Developer Support không có TAM, chỉ tư vấn chung trong giờ làm việc. Business Support có mục tiêu 1 giờ cho production system down nhưng không có TAM. Enterprise On-Ramp chỉ có nhóm TAM dùng chung và mục tiêu 30 phút.

38. A On-Demand Instances tính tiền công suất điện toán theo giờ hoặc giây, không hợp đồng dài hạn, không trả trước, nên rất hợp với tải ngắn hạn và khó đoán. Reserved Instances cần cam kết 1 hoặc 3 năm để được giảm giá. Savings Plans cũng cần cam kết chi tiêu theo kỳ hạn. Dedicated Hosts là máy chủ vật lý cho nhu cầu giấy phép hoặc tuân thủ, tính phí On-Demand hoặc đặt trước, không phải lựa chọn linh hoạt nhất cho mức dùng khó đoán.

39. C AWS Pricing Calculator cho phép dựng kiến trúc dự kiến (chọn dịch vụ, loại instance, lưu trữ và lượng truyền dữ liệu) và cho ra chi phí ước tính hằng tháng trước khi triển khai tài nguyên thật. Cost Explorer, Cost and Usage Report và Budgets đều dựa trên dữ liệu sử dụng thực tế, đã qua hoặc đang diễn ra, của một tài khoản có sẵn. Vì vậy chúng không ước tính được chi phí cho hệ thống chưa xây dựng.

40. C Chỉ gói Enterprise Support đầy đủ mới có một Technical Account Manager riêng, đích danh. Enterprise On-Ramp là gói tầm trung, chỉ có nhóm TAM dùng chung chứ không có một người riêng. Business Support có đủ các kiểm tra Trusted Advisor và được liên hệ Cloud Support Engineer 24/7 nhưng không có TAM. Developer Support dành cho kiểm thử và phát triển, không hỗ trợ hệ thống production và không có TAM.

Từ tiếng Anh cần biết

shared responsibility model	mô hình trách nhiệm chung	Phân chia việc bảo mật giữa AWS và khách hàng
Region	khu vực	Vùng địa lý nơi AWS đặt các trung tâm dữ liệu
Availability Zone	vùng sẵn sàng	Cụm trung tâm dữ liệu tách biệt bên trong một Region
workload	khối lượng công việc	Ứng dụng và tài nguyên cùng phục vụ một mục đích
elasticity	tính đàn hồi	Tự tăng và giảm tài nguyên theo nhu cầu
scalability	khả năng mở rộng	Khả năng đáp ứng khi tải tăng lên
high availability	tính sẵn sàng cao	Ít thời gian ngừng nhờ hạ tầng dự phòng
fault tolerance	khả năng chịu lỗi	Vẫn chạy khi một thành phần bị hỏng
durability	độ bền dữ liệu	Dữ liệu được giữ lâu dài và nguyên vẹn
serverless	không máy chủ	AWS lo máy chủ, bạn chỉ trả theo mức dùng
container	bộ chứa ứng dụng	Gói ứng dụng cùng những gì cần để chạy
batch job	tác vụ chạy theo lô	Việc xử lý nhiều dữ liệu một lượt, không cần người thao tác
fully managed	được quản lý hoàn toàn	AWS lo phần vận hành như vá lỗi và sao lưu
object storage	lưu trữ đối tượng	Lưu tệp thành đối tượng, truy cập qua API, ví dụ S3
shared file system	hệ thống tệp dùng chung	Nhiều máy cùng gắn và đọc ghi một bộ tệp
retrieval	truy xuất	Lấy dữ liệu đã lưu trữ ra để dùng
relational database	cơ sở dữ liệu quan hệ	Dữ liệu theo bảng có liên kết, dùng SQL
data warehouse	kho dữ liệu	Nơi chứa dữ liệu lớn để phân tích
in-memory cache	bộ nhớ đệm trong RAM	Giữ dữ liệu trong RAM để ứng dụng đọc nhanh hơn

ad hoc query	truy vấn đột xuất	Câu truy vấn chạy khi cần, không theo lịch
latency	độ trễ	Thời gian chờ từ lúc gửi yêu cầu đến lúc có phản hồi
failover	chuyển đổi dự phòng	Chuyển sang hệ thống dự phòng khi hệ thống chính hỏng
spare capacity	công suất dư	Phần máy chủ AWS chưa ai dùng, bán rẻ dưới dạng Spot
upfront commitment	cam kết trước	Hứa dùng hoặc trả tiền từ đầu để được giảm giá
steady-state usage	mức dùng ổn định	Lượng dùng đều theo thời gian, dễ đoán trước
instance family	họ instance	Nhóm loại máy EC2 cùng kiểu phần cứng
rightsizing	chỉnh đúng cỡ	Chọn cỡ tài nguyên vừa đủ cho nhu cầu
line item	dòng chi tiết	Một dòng phí riêng trong hóa đơn hoặc báo cáo
Technical Account Manager (TAM)	quản lý kỹ thuật tài khoản	Người của AWS chủ động tư vấn kỹ thuật cho khách hàng
production system down	hệ thống production ngừng hẳn	Hệ thống đang phục vụ người dùng không còn chạy
least privilege	đặc quyền tối thiểu	Chỉ cấp đúng quyền cần cho công việc
root user	người dùng gốc	Danh tính đầu tiên, có toàn quyền trên tài khoản AWS
multi-factor authentication (MFA)	xác thực đa yếu tố	Đăng nhập cần thêm một yếu tố ngoài mật khẩu
temporary credentials	thông tin xác thực tạm thời	Khóa truy cập tự hết hạn, dùng với IAM role
permissions boundary	giới hạn quyền	Mức quyền tối đa của một IAM user hoặc role
guest operating system	hệ điều hành khách	Hệ điều hành chạy bên trong máy ảo EC2
patching	vá lỗi	Cài bản cập nhật để sửa lỗi và lỗ hổng
vulnerability	lỗ hổng bảo mật	Điểm yếu mà kẻ tấn công có thể lợi dụng
compliance	tuân thủ	Làm đúng luật, tiêu chuẩn và quy định
pillar	trụ cột	Một nhóm nguyên tắc chính của Well-Architected Framework

Examundo là trang độc lập, không liên kết với các đơn vị tổ chức những kỳ thi này và không được các đơn vị này phê duyệt. Câu hỏi được soạn riêng, không lấy từ đề thi thật. examundo.tech/vi/aws-cloud-practitioner/